

PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH CÔNG BỐ QUỐC TẾ TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỦA VIỆT NAM

Trịnh Thị Phương Thảo^{1,+},
Vũ Thế Anh²

¹Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên; ²Trường Trung học phổ thông Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
+Tác giả liên hệ • Email: trinhthao.sptn@gmail.com

Article History

Received: 08/11/2020

Accepted: 14/12/2020

Published: 05/01/2021

Keywords

scientific publications,
research universities,
researchers, research
strategies, policies.

ABSTRACT

Vietnam scientific international publication has been raising rapidly in recent years. This raise thanks to the government's policies that encourage publications. Besides, Vietnamese universities also have their own mechanisms to encourage scientific research and promote scientific publications. This paper presents an overview of their policies to support scientists for publications during this time.

1. Mở đầu

Trong mười năm qua, khoa học Việt Nam có những bước tiến mạnh mẽ trong công bố quốc tế và đạt được những thành tựu nhất định. Điều đó có đóng góp không nhỏ từ chính sách khuyến khích và đầu tư của Nhà nước thông qua định hướng phát triển các trường đại học nghiên cứu nhằm đưa giáo dục đại học Việt Nam hòa nhập cùng khu vực và thế giới, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng góp phần phát triển đất nước. Để đáp ứng được những mục tiêu trên, các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam đã có các chính sách đầu tư cho nghiên cứu khoa học (NCKH) thông qua thu hút nhân tài, đầu tư xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh và ưu tiên cho các hoạt động nghiên cứu với mục tiêu công bố quốc tế.

Bài báo này đưa ra góc nhìn tổng quát về cơ chế khuyến khích công bố quốc tế của các trường đại học và viện nghiên cứu ở Việt Nam trong thời gian vừa qua.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Chính sách tuyển dụng của các trường đại học

Đối với một nhà khoa học, công bố khoa học là giai đoạn cuối trong quy trình NCKH. Công bố khoa học giúp thể hiện kết quả đạt được trong suốt quá trình nghiên cứu; đóng góp cho nền tri thức của nhân loại và những NCKH mang tính “đột phá” được công bố sẽ là “kim chỉ nam” cho các nghiên cứu tiếp theo cùng lĩnh vực. Do đó, công bố khoa học là cần thiết đối với một nhà NCKH.

Trong bối cảnh khoa học thế giới phát triển mạnh mẽ như hiện nay, công bố khoa học vừa là một cột mốc đánh dấu thành quả của nhà nghiên cứu, vừa là một tiêu chí để đánh giá thành quả nghiên cứu đó. Các nhà khoa học xuất bản thường xuyên các ấn phẩm khoa học có chất lượng cao sẽ nhận được đánh giá cao từ cộng đồng khoa học và các tổ chức nghiên cứu. Công bố khoa học giúp “định vị” nhà khoa học về chất lượng, năng lực nghiên cứu, tạo ra nhiều cơ hội nghiên cứu và việc làm đối với tác giả, cũng như xác định vị trí của nhà khoa học trong lĩnh vực mà mình tham gia nghiên cứu.

Bước vào thế kỉ XXI, khi công bố quốc tế đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp của các nhà khoa học thì cộng đồng khoa học trong nước đã có bước tiến đáng kể trong hoạt động này. Dưới tác động của Đề án 322, 911 và gần đây nhất là Đề án 89 của Chính phủ, lực lượng các nhà khoa học trẻ được đào tạo bài bản ở các nền khoa học phát triển đã góp phần định hướng công bố quốc tế cho các nhà khoa học khác. Cơ hội nghề nghiệp đối với các nhà khoa học có công bố quốc tế cũng lớn hơn khi các trường đại học, viện nghiên cứu trong nước ưu tiên tuyển dụng đối với những người có công bố quốc tế. Chẳng hạn, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) có Đề án Phát triển đội ngũ nhà khoa học trình độ cao, nhà khoa học đầu ngành tại ĐHQGHN đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035. Đề án ưu tiên tập trung tuyển dụng nhà nghiên cứu có bằng tiến sĩ phù hợp và có năng lực NCKH với yêu cầu là “tác giả duy nhất hoặc tác giả đứng tên đầu bài viết được công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành có mã số ISSN và phải có sản phẩm khoa học công bố quốc tế có mã số chuẩn quốc tế ISBN hoặc tương đương trước khi kết thúc hợp đồng làm việc lần đầu tiên”. Những nhà NCKH là tác giả duy nhất hoặc đứng tên đầu bài viết được công bố trên tạp chí ISI/Scopus trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên/

khoa học xã hội và các lĩnh vực khác hoặc có kinh nghiệm giảng dạy, hướng dẫn/ đồng hướng dẫn bằng ngoại ngữ thông dụng tại các trường đại học nước ngoài là đối tượng được ưu tiên tuyển dụng, thu hút nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ĐHQGHN. Một số trường thành viên của ĐHQGHN có yêu cầu cao hơn trong việc tuyển dụng giảng viên, ví dụ: Khoa Quốc tế ưu tiên tuyển dụng ứng viên tốt nghiệp tại nước ngoài, có công bố khoa học trên các tạp chí ISI/Scopus. Trường Đại học Việt Nhật yêu cầu ứng viên phải có ít nhất 02 bài báo trong danh mục ISI/Scopus mà ứng viên là tác giả đầu tiên hoặc tác giả liên hệ. Đối với giảng viên đang làm việc, Đại học Việt Nhật yêu cầu mỗi năm phải có 02 bài báo quốc tế xuất bản trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus và 01 bài hội thảo quốc tế.

Một ví dụ khác là đối với các trường đại học tư, Đại học Phenikaa, Đại học Duy Tân cũng có chính sách tuyển dụng ưu tiên những nhà khoa học có công bố quốc tế, có trình độ tiến sĩ được đào tạo ở nước ngoài hoặc đang học tập tại nước ngoài.

2.2. Các cơ chế khuyến khích công bố quốc tế

Trong suốt giai đoạn kháng chiến chống Mĩ và thống nhất đất nước, giáo dục miền Bắc được xây dựng và hoạt động theo mô hình giáo dục của Liên Xô và các nước Đông Âu. Phần lớn lực lượng NCKH được đào tạo tại các trường đại học trong khối xã hội chủ nghĩa. Ngược lại, tại miền Nam, hệ thống giáo dục được thực hành theo mô hình giáo dục của Hoa Kỳ và nguồn nhân lực chất lượng được cử đi đào tạo tại nước này. Sau 1975, cùng với quá trình thống nhất đất nước, hệ thống giáo dục của Việt Nam được thống nhất theo mô hình giáo dục của Liên Xô và mô hình này có ảnh hưởng cho đến những năm 90 của thế kỉ trước. Sự mở rộng về số lượng các trường đại học trong thời gian ngắn (1998-2018) cũng như yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, giáo dục đại học đứng trước thách thức đảm bảo nhiệm vụ phát triển khoa học thông qua định hướng nghiên cứu (Nguyễn H.T.L., 2020). Nguồn nhân lực thực hiện các hoạt động NCKH tại các trường đại học bao gồm: giảng viên, cán bộ cơ hữu, học viên và sinh viên. Do đó, các chính sách khuyến khích NCKH là khác nhau giữa các đối tượng trên.

2.2.1. Các trường đại học công lập

ĐHQGHN - một trong những đại học là trọng điểm phát triển của Chính phủ Việt Nam đã đầu tư cho các hoạt động NCKH và công bố quốc tế từ rất sớm. Được thành lập vào năm 1993, ĐHQGHN là một “trung tâm đào tạo và NCKH đa ngành lớn của cả nước” với nhiệm vụ chính bao gồm đào tạo, NCKH và hỗ trợ học thuật cho một số trường đại học khác (Chính phủ, 1993). Cụ thể, với Quyết định số 477-TTg ngày 05/9/1994 (Thủ tướng Chính phủ, 1994) quy định rõ NCKH là một trong hai nhiệm vụ chính của ĐHQGHN bên cạnh nhiệm vụ đào tạo nhằm “thúc đẩy sự tiến bộ của khoa học và công nghệ”. Hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn quản lí, thực hiện các hoạt động NCKH cũng được hoàn thiện và ban hành thực hiện trong những năm đầu thành lập thông qua Công văn số 50/KHCN ngày 25/12/1995 Quy định tiêu chí chọn đề tài NCKH của ĐHQGHN.

Với mục tiêu phát triển ĐHQGHN thành một trường đại học nghiên cứu, Hướng dẫn số 1206/HD-ĐBCLGD được ban hành ngày 23/04/2014 với mục tiêu hướng dẫn xây dựng ĐHQGHN là đại học nghiên cứu theo hướng chuẩn hóa và hội nhập quốc tế theo các tiêu chí đã định lượng làm cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển và ưu tiên đầu tư. Hướng dẫn đã nêu ra 4 giá trị cốt lõi, 6 đặc trưng cơ bản của đại học nghiên cứu và xây dựng bộ tiêu chí đánh giá trường đại học nghiên cứu bao gồm 4 tiêu chuẩn về thành tích NCKH và chuyển giao tri thức, chất lượng đào tạo, mức độ quốc tế hóa và cơ sở hạ tầng phục vụ đào tạo và NCKH với 26 tiêu chí cụ thể. Các tiêu chí này được so sánh với các chỉ số của các đại học nghiên cứu thuộc top 500 thế giới, trong đó với tiêu chuẩn thành tích NCKH và chuyển giao tri thức có các tiêu chí liên quan đến xuất bản và công bố quốc tế, cụ thể:

Bảng 1. Một số tiêu chí đánh giá đại học nghiên cứu dựa trên hướng dẫn của ĐHQGHN (nguồn: ĐHQGHN)

TT	Tiêu chuẩn/ tiêu chí đánh giá	Chỉ số của đại học nghiên cứu thuộc Top 500 thế giới	Chỉ số của ĐHQG năm 2013	Chỉ tiêu kế hoạch của ĐHQGHN năm 2015
<i>Tiêu chuẩn 1. Thành tích NCKH và chuyển giao tri thức</i>				
1.1	Số bài báo, báo cáo trong nước và quốc tế trung bình trên cán bộ khoa học hàng năm	Ít nhất 2 bài	0.5	1.0
1.2	Số lượng bài báo ISI hoặc/và Scopus trên cán bộ khoa học trong 5 năm gần đây	Ít nhất 5 bài báo (01 bài báo đối với lĩnh vực KHXH)	0.3	0.5
1.3	Số lượng trích dẫn bài báo khoa học trong 5 năm gần đây	Ít nhất 5 trích dẫn	1.2	2.0

ĐHQGHN ban hành Quyết định số 155/QĐ-ĐHQGHN (Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015a) về chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của ĐHQGHN đến năm 2020. Trong quyết định này, ĐHQGHN đã xác định phát triển khoa học công nghệ (KHCN) là nền tảng và động lực để “nâng cao vị thế trong nước và quốc tế của ĐHQGHN” với mục tiêu đến năm 2020, KHCN sẽ đóng góp cho sự phát triển của ĐHQGHN thành đại học định hướng nghiên cứu Top 100 châu Á. Đối với công bố quốc tế, ĐHQGHN kì vọng đến năm 2020, khoa học xã hội và nhân văn công bố được ít nhất 60 bài báo/ năm trên các tạp chí khoa học thuộc hệ thống ISI, SCOPUS; khoa học tự nhiên và y được đạt mức công bố 400 bài báo/ năm trên các tạp chí khoa học thuộc hệ thống ISI/ SCOPUS.

Đối với các hoạt động NCKH được đầu tư bằng nguồn kinh phí sự nghiệp KHCN, ĐHQGHN phân chia thành 5 loại đề tài nghiên cứu tương đương: *đề tài nghiên cứu cấp cơ sở, đề tài nghiên cứu cấp đại học quốc gia, đề tài NCKH đặc biệt, đề tài NCKH trọng điểm và dự án sản xuất thử - thử nghiệm cấp ĐHQG*. Mỗi cấp đề tài có mức kinh phí, thời gian thực hiện, đơn vị quản lý cũng như các quy định khác nhau về đầu ra của đề tài. Trong đó, các đề tài NCKH đặc biệt hoặc NCKH trọng điểm định hướng đầu tư vào “các hướng NCKH, công nghệ ưu tiên của Nhà nước, của ĐHQGHN, xây dựng các tập thể nghiên cứu mạnh, liên ngành, có khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư sau nghiên cứu, có khả năng hợp tác trong nước và quốc tế”. Các đề tài nghiên cứu trọng điểm cấp đại học quốc gia phải có các công trình khoa học được công bố (bài báo, sách chuyên khảo, báo cáo tại các hội nghị khoa học) “đặc biệt là nước ngoài, nhiều và có chất lượng cao” với yêu cầu có ít nhất 5 bài báo đạt trình độ quốc tế hoặc quốc gia. Quyết định số 1859/QĐ-ĐHQGHN ban hành ngày 14/6/2010 và được thay thế bởi Quyết định số 268/QĐ-ĐHQGHN quy định cụ thể về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ở Đại học quốc gia Hà Nội được ban hành ngày 16/01/2015 (Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015b).

Bên cạnh các quy định về phân cấp quản lý NCKH, ĐHQGHN còn tập trung đầu tư xây dựng và phát triển một số nhóm nghiên cứu trọng điểm thông qua Chương trình xây dựng nhóm Nghiên cứu mạnh. Các nhóm nghiên cứu mạnh được tập trung ưu tiên đầu tư với mục tiêu “tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ đến một số nhóm nghiên cứu có đủ khả năng làm đầu mối triển khai các nghiên cứu đỉnh cao, hướng tới các sản phẩm hoàn chỉnh, từng bước hình thành các trung tâm nghiên cứu xuất sắc”. Ngoài ra, các nhóm nghiên cứu mạnh còn được kì vọng sẽ tăng khả năng thu hút các nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu, “tạo động lực gia tăng các giá trị KH&CN, nâng cao chất lượng đào tạo, tăng cường yếu tố cạnh tranh trên cả phương diện quốc gia và quốc tế” đặc biệt là thúc đẩy sự phát triển của ĐHQGHN theo định hướng nghiên cứu. Các nhóm nghiên cứu mạnh tại Đại học Quốc gia được phân thành hai cấp: cấp đơn vị và cấp đại học quốc gia dựa trên kết quả nghiên cứu đã đạt được, tầm ảnh hưởng và mức độ liên kết. Một trong những điều kiện để thành lập nhóm nghiên cứu mạnh là lãnh đạo nhóm nghiên cứu phải là “tác giả, đồng tác giả của ít nhất 05 công bố ISI” trong vòng 5 năm gần nhất trùng với định hướng nghiên cứu chính của nhóm nghiên cứu. Ngoài ra, các nhóm nghiên cứu mạnh của ĐHQGHN còn cần đạt các tiêu chí của trường đại học nghiên cứu theo Hướng dẫn số 1206/HD-ĐHQGHN sau 5 năm đầu tư (Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017b).

Đối với nguồn nhân lực thực hiện NCKH, ĐHQGHN có các quy định nhằm khuyến khích tạo điều kiện NCKH và khen thưởng (Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017a). Cụ thể như sau:

** Đối với giảng viên, nghiên cứu viên*

Giảng viên có định mức giờ NCKH trong một năm học được quy định từ 600-850 giờ nghiên cứu một năm và 900-1200 giờ nghiên cứu đối với nghiên cứu viên dựa vào chức danh nghề nghiệp. Giờ làm việc NCKH được quy đổi dưới định dạng ấn phẩm khoa học cụ thể như sau:

Bảng 2. Một số quy định quy đổi giờ NCKH dưới định dạng ấn phẩm khoa học đối với giảng viên, nghiên cứu viên của ĐHQGHN (Nguồn: ĐHQGHN)

STT	Phân loại ấn phẩm khoa học	Số giờ làm việc quy đổi	
		Tối thiểu	Tối đa
1	<i>Bài báo khoa học</i>		
1.1	Tạp chí khoa học thuộc hệ thống ISI/Scopus	Do đơn vị quy định	1200
1.2	Tạp chí khoa học quốc tế có uy tín, ngoài hệ thống ISI/Scopus	Do đơn vị quy định	900
1.3	Các chuyên san của Tạp chí khoa học ĐHQGHN được ĐHQGHN phê duyệt dự án đầu tư phát triển đạt chuẩn Scopus	Do đơn vị quy định	900

2	<i>Báo cáo khoa học</i>		
2.1	Báo cáo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế thuộc hệ thống ISI/Scopus hoặc được bảo trợ bởi các hiệp hội khoa học và công nghệ quốc tế uy tín	Do đơn vị quy định	900
2.2	Báo cáo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế viết bằng tiếng Anh có phản biện	Do đơn vị quy định	600
3	<i>Sách giáo trình</i>		
3.2	<i>Sách xuất bản tại nước ngoài</i>		
A	Sách chuyên khảo được xuất bản	Do đơn vị quy định	2700
B	Sách tham khảo/ tương đương được xuất bản	Do đơn vị quy định	1800
C	Chương trong sách chuyên khảo	Do đơn vị quy định	1200

Giảng viên thuộc nhóm nghiên cứu mạnh cấp đại học quốc gia chỉ phải thực hiện giảng dạy không quá 150 giờ tín chỉ quy chuẩn một năm nhằm mục tiêu tập trung cho NCKH (so với định mức giờ giảng dạy 270 giờ tín chỉ/1 năm). Giảng viên có quyền được nghỉ dạy 01 học kì để tập trung cho NCKH sau 5 năm giảng dạy.

2.2.2. Các trường đại học dân lập

Một trong những trường đại học tư có nhiều thành tựu khoa học trong thời gian gần đây là Trường Đại học Phenikaa. Thành lập từ năm 2007, Trường Đại học Phenikaa đã xác định NCKH là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của nhà trường. Với mục tiêu xây dựng trường thành đại học nghiên cứu, Trường Đại học Phenikaa đặt ra mục tiêu trong vòng 30 năm tới sẽ lọt vào top 30 các trường đại học châu Á (Trường Đại học Phenikaa n.d.). Dưới mục tiêu này, Trường Đại học Phenikaa đã tập trung đầu tư vào các hướng NCKH đang là xu thế trên thế giới trong nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng bao gồm: vật liệu nano trong y sinh, môi trường và năng lượng, hóa dược và hoạt chất sinh học, các hệ thống thông tin và cảm biến nano, quang tử và quan điện tử, vật lí năng lượng cao và vũ trụ học, phân tích dữ liệu lưới trong khoa học xã hội. Mỗi nhóm nghiên cứu mạnh trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản phải đáp ứng được yêu cầu về công bố khoa học trên các tạp chí quốc tế uy tín hàng năm (ít nhất 5 bài báo quốc tế trên các tạp chí hạng Q1 hoặc 8 bài báo quốc tế trong đó ít nhất 3 bài báo trên các tạp chí hạng Q1 theo bảng xếp hạng của Scimago). Mỗi nhóm nghiên cứu cơ bản được đầu tư 4 tỉ đồng trong 3 năm đầu tiên và đối với nhóm nghiên cứu ứng dụng số tiền đầu tư là không hạn chế (Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển truyền thông khoa học và công nghệ, 2017).

Các trường đại học có yếu tố quốc tế như Đại học Fulbright, Đại học Việt Nhật, Đại học Việt Đức hoặc Đại học Việt Pháp được xây dựng dựa trên hợp tác của Chính phủ Việt Nam với chính phủ các nước có nền khoa học phát triển với mục tiêu nâng cao trình độ NCKH trong nước, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ quá trình CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Đại học Việt Nhật được chính thức thành lập vào năm 2014 trực thuộc ĐHQGHN dưới sự tài trợ của Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Nhật Bản. Chương trình đào tạo của Đại học Việt Nhật được xây dựng dựa trên chương trình đào tạo của các đại học hàng đầu Nhật Bản và có sự điều chỉnh phù hợp với quy định đào tạo của Việt Nam. Mục tiêu của Đại học Việt Nhật đến năm 2030 sẽ trở thành trường đại học nghiên cứu hàng đầu châu Á trong lĩnh vực khoa học bền vững. Các hoạt động NCKH của Đại học Việt Nhật được thực hiện theo các quy định về NCKH của ĐHQGHN và các quy định riêng của Trường.

Các trường đại học khác cũng có các chính sách khuyến khích NCKH và công bố quốc tế thông qua các quy định về khen thưởng đối với các bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học uy tín, ví dụ: Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh khen thưởng cho giảng viên có bài báo công bố quốc tế ở mức cao nhất là 200 triệu đồng/ bài, Đại học Mở TP Hồ Chí Minh cho biết mức thưởng cho các bài báo công bố quốc tế dao động từ 40-100 triệu đồng/ bài, hoặc Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh có mức thưởng từ 6 triệu đồng đến 40 triệu đồng/ bài.

Bảng 3. Một số chính sách khen thưởng của các trường đại học cho các công bố trên tạp chí quốc tế

(Nguồn: Vuong, 2019)

Tên trường	Giai đoạn	Mức thưởng cao nhất cho các công bố quốc tế trên ấn phẩm thuộc danh mục ISI/ Scopus (bài báo/ sách)
Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, ĐHQGHN	Từ 2010	15 triệu đồng
Đại học FPT	Từ 02/2011	40 triệu đồng

Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Từ 2012	150 triệu đồng
Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	Từ 2017	40 đến 50 triệu đồng
Đại học Công nghiệp thực phẩm TP. Hồ Chí Minh	Từ 2017	50 triệu đồng
Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Từ 06/2018	200 triệu đồng với mỗi bài báo khoa học được xuất bản trên tạp chí quốc tế có chỉ số tác động (Impact factor) >2
Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, ĐHQGHN	2018-2020	250 triệu đồng
Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	Không rõ	30 triệu đồng
Đại học Nguyễn Tất Thành	Không rõ	30 triệu đồng
Đại học Ngoại thương	Không rõ	125 triệu đồng
Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh	Không rõ	15 triệu đồng, 450 giờ NCKH
Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh	Không rõ	Từ 2 đến 3 triệu đồng

3. Kết luận

Các chính sách nêu trên đã đóng góp một phần không nhỏ vào thành quả đạt được của khoa học Việt Nam trong công bố quốc tế những năm vừa qua. Tuy vẫn còn những hạn chế cần được khắc phục như việc khen thưởng có thể dẫn đến những hành vi vi phạm đạo đức khoa học hoặc hiện tượng “gift-author” (Vuong, 2019) nhưng những chính sách này đã thổi một luồng gió mới đối với nền khoa học Việt Nam. Trong giai đoạn từ 1975 đến những năm đầu thế kỉ XXI, các trường đại học của Việt Nam vẫn chỉ chú trọng đến hoạt động giảng dạy và đào tạo mà chưa có đầu tư bài bản cho các hoạt động NCKH, chính vì vậy sự chuyển mình mạnh mẽ của các trường đại học và viện nghiên cứu trong những năm gần đây sẽ tạo tiền đề để khoa học Việt Nam tiếp tục phát triển và hội nhập quốc tế sâu rộng hơn trong tương lai.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 503.01-2019.306

Tài liệu tham khảo

- Chính phủ (1993). *Nghị định số 97/CP ngày 10/12/1993 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Quốc gia Hà Nội*. Đại học Phenikaa. n.d. “*Tầm nhìn - Sứ mệnh*.” Retrieved November 15, 2020 (<https://phenikaa-uni.edu.vn/chitiet/vn/tam-nhin-su-menh>).
- Đại học Quốc gia Hà Nội (2015a). *Quyết định số 155/QĐ-ĐHQGHN ngày 09/01/2015 ban hành Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của Đại học Quốc gia Hà Nội đến năm 2020*.
- Đại học Quốc gia Hà Nội (2015b). *Quyết định số 268/QĐ-ĐHQGHN ngày 16/01/2017 ban hành quy định quản lí hoạt động khoa học và công nghệ ở Đại học Quốc gia Hà Nội*.
- Đại học Quốc gia Hà Nội (2017a). *Quyết định số 1819/QĐ-ĐHQGHN ngày 01/6/2017 ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên, nghiên cứu viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội*.
- Đại học Quốc gia Hà Nội (2017b). *Quyết định số 4045/-ĐHQGHN ngày 18/10/2017 về việc công nhận nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu tiềm năng cấp Đại học Quốc gia Hà Nội*.
- Nguyen H.T.L (2020). A Review of University Research Development in Vietnam from 1986 to 2019. Pp. 63-86 in In: Le Ha P., Ba Ngoc D. (eds) *Higher Education in Market-Oriented Socialist Vietnam. International and Development Education*. Palgrave Macmillan, Cham.
- Thủ tướng Chính phủ (1994). *Quyết định số 477-TTg ngày 05/9/1994 ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia Hà Nội*.
- Thủ tướng Chính phủ (2011). *Quyết định số 2133/QĐ-TTg ngày 01/12/2011 phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030*.
- Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển truyền thông khoa học và công nghệ (2017). *Trường Đại học PHENIKAA công bố 8 nhóm nghiên cứu mạnh*. Truy cập ngày 15/11/2020 tại <https://www.most.gov.vn/vn/tin-tuc/16039/truong-dai-hoc-phenikaa-cong-bo-8-nhom-nghien-cuu-manh.aspx>.
- Vuong, Quan-Hoang (2019). *The Harsh World of Publishing in Emerging Regions and Implications for Editors and Publishers: The Case of Vietnam*. *Learned Publishing*, 32(4), 314-324. DOI: 10.1002/leap.1255.